TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 02- 2023
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Phương Xa

2. Ông Nguyễn Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp O, xã V, huyện T, tỉnh H (yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp O, xã V, huyện T, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều L trình bày: Chị với bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau

khi kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong suốt thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ; Chị và anh Nguyễn Thanh Đ có người hai con chung là cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 21/8/2004 và cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/7/2007. Đối với cháu Nguyễn Thị Bích T đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Duy K thì do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung đều không có. Đồng thời chị yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ đều vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, về con chung chưa thành niên giao cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn chưa yêu cầu nên chưa xem xét, về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, về án phí hôn nhân gia đình và sơ thẩm buộc nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật. Về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất đều không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng,

tài sản và nợ chung không có.Thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có địa chỉ tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đối với nguyên đơn có yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 11/4/2006, giữa nguyên đơn với bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều L với bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2006, tại Ủy ban nhân dân xã Long Bình, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Thời điểm anh chị đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong suốt thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Chị Nguyễn Thị Kiều L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ. Theo biên bản xác minh ngày 25/10/2022, chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Thanh Đ có tổ chức đám cưới và có hai người con chung, về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Thanh Đ thì chính quyền địa phương không rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Kiều L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về phía bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều L và bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ có người hai con chung là cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 21/8/2004 và cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/7/2007.

[4.1] Về nuôi con: Đối với cháu Nguyễn Thị Bích T đã thành niên nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Duy K thì do nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo văn bản ngày 14/11/2022, cháu Nguyễn Duy K có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Xét thấy, chị Nguyễn Thị Kiều L đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy K từ khi ly thân cho đến nay. Do đó, để ổn định về tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Duy K, nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Duy K cho chị Nguyễn Thị Kiều L nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Con chung chưa thành niên được giao cho chị Nguyễn Thị Kiều L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị Nguyễn Thị Kiều L chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án chưa xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có tài sản chung và nợ chung; về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kiều L với anh Nguyễn Thanh Đ được ly hôn.

2. Về con chung:

Về nuôi con: Đối với cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 21/8/2004 đã thành niên, không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/7/2007 cho chị Nguyễn Thị Kiều L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kiều L chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án chưa xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002978, ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Nguyễn Thị Kiều L đã nộp xong, không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Cổng TTĐTTANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Quyền Trân